

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DSPT

Ngày: 11/12/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Hữu Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phúc -Thư ký TAND TỈNH BN.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN:** Ông Nguyễn Huy Quang -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TỈNH BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 10/2020/TLPT- DS ngày 23/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, TỈNH BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân TỈNH BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn SS, huyện SS, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Phòng 404, Đơn Nguyên1-Tòa nhà Handiresco, số 31 Lê Văn L, phường Nhân C, quận Thanh X, thành phố HN (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu Nguyễn Q, phường Đại P, thành phố BN, TỈNH BN.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đình V, sinh năm 1978, Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Tín. Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ( có mặt).

Người có kháng cáo: Bà Đỗ Thị H, Bà Nguyễn Thị V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Đỗ Thị H trình bày: Năm 2010, bà Trần Thu H là bạn bà giới thiệu với bà về việc Bà Nguyễn Thị V cần vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Vì nể chỗ quen biết nên bà đã cho bà V vay số tiền 13.290.000.000 đồng (Mười ba tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng). Khi vay bà V có viết hợp đồng vay tiền vào ngày 26/9/2011, thỏa thuận sẽ trả trong thời gian gần nhất. Nếu không trả được số tiền đã vay thì bà V đồng ý phân tài sản thế chấp cho khoản vay là 1.635m<sup>2</sup> đất thuộc dự án Trung tâm dạy nghề nhân đạo Vân Sơn có địa chỉ tại xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội sẽ hoàn toàn thuộc về bà.

Tháng 09/2011, bà đòi bà Vân số tiền đã vay, lúc đó bà V có thỏa thuận sẽ trả bà bằng một ngôi nhà tại thị trấn Sóc Sơn trị giá 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng), nhà đất đứng tên anh Trần Đình Mạnh và chị Nguyễn Thị Lâm là con bà V. Bà V thỏa thuận bà phải đưa cho bà V 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng chẵn) và số tiền còn lại 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) được trừ vào khoản nợ mà bà V đang nợ bà. Số tiền còn lại, bà V còn nợ bà là 9.090.000.000 đồng (Chín tỷ không trăm chín mươi triệu đồng chẵn) bà V hứa sẽ thu xếp bán đất trả tiếp. Sau nhiều lần vào đòi nợ bà V đã trả thêm cho bà số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào tháng 07/2017. Số tiền này bà V trả thành 04 lần. Những lần bà V trả tiền cho bà đều do bà tự tay viết bằng số và bằng chữ. Từ đó đến nay bà đòi nhiều lần nhưng bà V không trả tiền cho bà.

Nay bà xác định bà V còn nợ bà số tiền 8.640.000.000 đồng (Tám tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng), bà đề nghị Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà số nợ trên và bà yêu cầu phải trả bà lãi suất theo quy định pháp luật tính từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án.

Đối với việc khi lập hợp đồng vay giữa bà và bà V có thỏa thuận việc thế chấp tài sản. Nay bà chỉ yêu cầu bà V trả nợ số tiền còn nợ mà không yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Đối với giấy nhận tiền ngày 08/7/2017 do phía bà V cung cấp cho Tòa án. Quan điểm của bà là không đồng ý với nội dung ghi trên giấy vì nội dung do bà V tự ghi. Bà chỉ nhận từ bà V số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 08/7/2017 và nhận thêm số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 03/8/2017, chữ ký và chữ viết người nhận tiền là của bà. Đối với nội dung ghi “Ngày 08/7 Hương nhận thêm 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu) là do bà V viết thêm, không phải chữ của bà và bà không ký xác nhận nội dung này do vậy bà không đồng ý với quan điểm cho rằng bà V đã trả bà số tiền 850.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Bà Đỗ Thị H ủy quyền toàn bộ cho Ông Nguyễn Ngọc T tham gia tố tụng.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị V trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày

26/9/2011, bà có vay của bà H số tiền 3.700.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng) để kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay, bà H yêu cầu bà thế chấp một phần đất thuộc dự án Trung tâm dạy nghề nhân đạo Vân Sơn tại xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cho bà H. Tại thời điểm đó, giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất này các bà tự định giá là 13.290.000.000đ (Mười ba tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng). Do sơ suất nên bà đã viết nhầm giá trị quyền sử dụng đất thành số tiền vay vào Giấy biên nhận vay tiền (Hợp đồng vay tiền) với bà H là bà có vay của bà H số tiền 13.290.000.000 đồng.

Sau đó bà H thấy diện tích đất nhận thế chấp nêu trên là loại đất dự án nên không thể làm thủ tục sang tên cho cá nhân, bà H lấy lý do cần tiền và dựa vào giấy viết tay của bà, bà H yêu cầu bà phải trả số tiền 13.290.000.000đ (Mười ba tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng). Bà xác định do sơ suất, ghi không rõ nội dung trong Giấy biên nhận vay tiền là bất lợi cho bà nên buộc phải đồng ý, vì không đủ tiền mặt để trả cho bà H nên giữa bà và bà H đã thỏa thuận việc trả nợ như sau: Bà sẽ trả cho bà H số tiền mặt là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền còn lại 9.090.000.000đ (Chín tỷ không trăm chín mươi triệu đồng) sẽ trả bằng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 02, (có diện tích 80m<sup>2</sup>) tại địa chỉ Khu D, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và tài sản trên đất là ngôi nhà 05 tầng (thửa đất này đứng tên con trai bà là Trần Đình Mạnh, đất có nguồn gốc là bà tặng cho con bà), tiền mặt sẽ được thanh toán vào ngày 18/01/2012; nhà và đất sẽ làm thủ tục chuyển nhượng tại văn phòng Công chứng vào ngày tiếp theo là 19/01/2012, giá trị chuyển nhượng nhà và đất thực tế là 9.090.000.000đ (Chín tỷ không trăm chín mươi triệu đồng), bằng đúng với số tiền bà H đòi bà nhưng sẽ chỉ ghi trong hợp đồng là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để nhằm hợp thức hóa việc trả nợ, các bên sẽ không phải thanh toán tiền trên thực tế; sau khi nhận được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà H sẽ trả cho bà Giấy biên nhận vay tiền (Hợp đồng vay tiền) để bà hủy đi; giữa bà và Bà Đỗ Thị H sẽ chấm dứt quan hệ vay nợ.

Quá trình thực hiện thỏa thuận thanh toán trên thực tế diễn ra như sau: Ngày 18/01/2012, bà trả cho Bà Đỗ Thị H số tiền mặt là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng), việc trả nợ do chính tay bà viết đăng sau hợp đồng vay tiền ngày 26/9/2011 và việc trả nợ này thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất của con trai bà. Sau thời điểm ngày 19/01/2012, bà nhiều lần yêu cầu bà H trả cho bà “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011 nhưng bà H không trả.

Mặc dù, đã trả nợ cho bà H xong nhưng sau đó bà H vẫn tiếp tục đòi tiền bà dựa trên “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011, bà H còn sử dụng nhiều biện pháp như báo công an, thuê xã hội đen đến đe dọa bà để bắt bà phải trả thêm tiền vì cho rằng tiền và giá trị nhà đất bà đã trả vẫn không đủ xóa nợ giữa hai bên. Ngày

08/01/2017, bà H đến nhà bà yêu cầu bà trả thêm 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) nữa thì hết nợ và khi trả đủ số tiền này thì bà H sẽ trả lại bà “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011. Theo đó, bà đã trả tiền cho bà H cụ thể các lần như sau: Ngày 20/01/2017, trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Ngày 26/01/2017, trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Ngày 25/4/2017, trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Ngày 22/6/2017, trả 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng); Ngày 08/7/2017, trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tại thời điểm thanh toán số tiền 100.000.000đ của ngày 08/7/2017, bà đã yêu cầu bà H viết biên nhận cho bà về nội dung thỏa thuận giữa bà với bà H trước đó (ngày 08/01/2017). Bà H nói với bà là nếu bà muốn thì cứ viết, bà H sẽ ký nên bà đã lập “giấy nhận tiền”, thể hiện tổng số tiền bà đã thanh toán cho bà H đến thời điểm lập “giấy nhận tiền” (vào ngày 08/7/2017) là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền bà còn phải trả cho bà H là 1.550.000.000đ (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng). Và cũng đề phòng bà H tiếp tục sử dụng các giấy tờ trước đây bà viết cho bà H (trong đó có “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011) để tiếp tục đòi tiền bà nên chúng bà thống nhất ghi *“tất cả những giấy bà V viết với bà từ ngày hôm nay trở về trước không có giá trị gì nữa”* nhằm chấm dứt giá trị của mọi giấy tờ về vay nợ giữa bà và bà H trước đó. Như vậy, việc vay nợ giữa bà và bà H đã được chốt lại tại tài liệu duy nhất là “Giấy nhận tiền” ngày 08/7/2017.

Ngay sau khi chốt được số tiền phải thanh toán, bà H đã tự tay ghi xác nhận đã nhận của bà 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Sau đó bà H đưa ra yêu cầu với bà là nếu bà thanh toán thêm ngay 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) thì sẽ trả ngay cho bà “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011. Bà đồng ý và đã trả thêm ngay cho bà H số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng), bà liền ghi bổ sung vào “giấy nhận tiền” về số tiền bà H nhận thêm và yêu cầu bà H ký tên. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền thì bà H vẫn không trả cho bà “Hợp đồng vay tiền” ngày 26/9/2011.

Ngày 03/8/2017, bà tiếp tục thanh toán tiếp số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), sau khi nhận xong tiền, bà H đã ghi bổ sung vào Giấy biên nhận có nội dung: “Ngày 3/8/2017, em Hương nhận của bà V số tiền là: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)” và ký tên xác nhận.

Nay bà xác định chỉ còn nợ Bà Đỗ Thị H số tiền là: 1.550.000.000 đồng - 850.000.000 đồng - 80.000.000 đồng = 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng). Do vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị H đòi bà phải thanh toán số tiền 9.090.000.000 đồng (Chín tỷ không trăm chín mươi triệu đồng).

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 280, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35,

39, 147, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho Bà Đỗ Thị H số tiền 1.470.000.000 đồng ( Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng); Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 6.170.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2020 Bà Nguyễn Thị V kháng cáo một phần bản án, ngày 20/8/2020 Bà Đỗ Thị H có kháng cáo một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo; Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Thị H về phần buộc bà H phải trả 6.800.000.000đ. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà V trả bà H số tiền 1.470.000.000đ

- Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị V.

- Bà Đỗ Thị H và Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của Bà Đỗ Thị H và Bà Nguyễn Thị V được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về tố tụng: Bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; đưa đầy đủ người có liên quan vào tham gia tố tụng, tiến hành lấy lời khai của các đương sự trong vụ án, mở

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo trình tự thủ tục luật định.

Xét nội dung kháng cáo của các đương sự:

*Thứ nhất.* Bà Đỗ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị bà V phải trả số tiền 8.270.000.000đ. Phía bà H cho rằng đã cho bà V vay tiền nhiều lần đến ngày 26/9/2011 bà H yêu cầu bà V chốt các khoản nợ và viết thành một hợp đồng vay nợ ngày 26/9/2011 với số tiền nợ là 13.290.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả trong thời gian gần nhất. Từ khi lập giấy vay tiền đó đến nay bà V mới trả cho bà H 03 lần tiền với tổng số tiền là 4.730.000.000đ. Cụ thể: Ngày 18/11/2012 trả 4.200.000.000đ; ngày 08/7/2017 trả 450.000.000đ; ngày 03/8/2017 trả 80.000.000đ, còn nợ lại là 8.270.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà V trình bày đã nhiều lần trả tiền và chuyển nhượng nhà đất cho bà H để thanh toán nợ nên đến ngày 08/01/2017, bà H nói bà chỉ còn nợ 2 tỷ đồng, đồng thời, bà V đã xuất trình một giấy nhận tiền ngày 08/7/2017 do bà V viết có chữ ký xác nhận của bà H với nội dung thể hiện tính đến ngày viết giấy 08/7/2017 bà V đã trả thêm bà H tổng số tiền 450.000.000đ; Số còn lại là 1.550.000.000đ bà V hẹn đến tháng 11/2017 sẽ trả nốt; Tất cả những giấy bà V viết với bà H từ ngày 08/7/2017 trở về trước không có giá trị nữa. Bà H đã đọc lại và đồng ý, tại phía cuối mặt trước của giấy nhận tiền (tức trang 01) bà H viết đã nhận 450.000.000đ và ký tên ở phần đầu mặt sau của Giấy nhận tiền (tức đầu trang 02). Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm phía bà H có cung cấp cho Tòa án một giấy xác nhận của anh Nguyễn Văn Thuận, sinh năm 1975 tại thôn Đồng Lạc, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về việc viết giấy biên nhận tiền ngày 08/7/2017 giữa bà V và bà H. Theo anh Thuận thì thời điểm viết giấy bà H đang trong tình trạng sức khỏe kém do ảnh hưởng của thuốc tê sử dụng để chữa răng, khi ký thì phía trên phần bà H ghi xác nhận nhận tiền có một phần giấy trắng bỏ trống, các bên cũng không tiến hành giao nhận tiền cho nhau tại thời điểm lập giấy biên nhận, tuy nhiên phía bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ vật chất nào để chứng minh cho những ý kiến này, mặt khác ý kiến của bà H đưa ra không hợp lý bởi lẽ nếu trong trường hợp các bên để lại một phần giấy trắng phía trên phần ghi nhận tiền của bà H thì bà V có thể ghi đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ mà không cần phải ghi còn nợ lại 1.550.000.000đ. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xác định giấy nhận tiền lập ngày 08/7/2017 giữa bà V và bà H là tài liệu chứng cứ quan trọng hợp pháp được chấp nhận sử dụng để chứng minh trong vụ án này. Cũng trong giấy biên nhận tiền này đến ngày 03/8/2017 bà V tiếp tục trả cho bà H số tiền 80.000.000đ, số tiền này bà H thừa nhận là bà V đã trả. Như vậy, số tiền nợ gốc thực tế mà bà V còn nợ lại bà H là 1.550.000.000đ – 80.000.000đ = 1.470.000.000đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà V phải trả cho bà H

1.470.000.000đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà yêu cầu bà V phải trả 8.640.000.000đ, tuy nhiên, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà V phải trả 8.270.000.000đ, xét thấy sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với các quy định của pháp luật cần chấp nhận. Do đó, như phân tích trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà V phải trả cho bà H số tiền 1.470.000.000đ; Không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà V phải trả cho bà H 6.800.000.000đ.

*Thứ hai.* Bà V kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận việc bà đã trả thêm cho bà H số tiền 850.000.000đ còn nợ bà H 620.000.000đ thì thấy, trong giấy biên nhận tiền ngày 08/7/2017 tại dòng đầu tiên mặt sau của Giấy nhận tiền (tức đầu trang 02) có ghi ngày 08/7 Hương nhận thêm 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng). Phía bà H cho rằng đó là phần bà V viết thêm vào, thực tế bà V chưa trả cho bà H số tiền 850.000.000đ. Phía bà V cho rằng do bà V đã trả cho bà H số tiền 850.000.000đ nên bà mới viết vào giấy nhận tiền, sau đó bà H đã ký xác nhận phía dưới. Do có mâu thuẫn trong lời khai nên Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết tại Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an. Tại kết luận giám định số 336/C09-P5 ngày 24/12/2019 kết luận các chữ “ngày 08/7 Hương nhận thêm 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) ở dòng chữ viết thứ nhất từ trên xuống trên trang 2 mẫu giám định ký hiệu A là các chữ được viết thêm vào”. Sau khi có kết quả giám định phía bà V đã có đơn khiếu nại đề nghị làm rõ kết luận giám định thì tại Công văn số 1459/C09-P5 ngày 06/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định quá trình tiến hành giám định được tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy trình chuyên môn nghiệp vụ đồng thời có sử dụng các thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ giám định. Qua đó có đủ cơ sở để đưa ra kết luận giám định, kết luận giám định số 336 C09-P5 ngày 24/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an là khách quan, chính xác. Mặt khác, trong biên bản ghi lời khai bà V cũng thừa nhận dòng chữ do bà V viết, trong khi đó giấy nhận tiền thì do bà V cất giữ. Do đó, việc bản án sơ thẩm không chấp nhận đối với ý kiến của bà V cho rằng đã trả thêm cho bà H số tiền 850.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 08/7/2017 là có căn cứ.

Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà H và bà V đều không đưa ra căn cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên kháng cáo của bà H và bà V không được chấp nhận. Cần bác yêu cầu kháng cáo của bà V và bà H, sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH BN tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Thị H và Bà Nguyễn Thị V và sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, TỈNH BN là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Việc bản án tuyên lãi suất chậm trả không theo hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, do đó, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Thị H và Bà Nguyễn Thị V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, TỈNH BN. Cụ thể:

**1.1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị H. Buộc Bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho Bà Đỗ Thị H số tiền 1.470.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

**1.2.** Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị H buộc Bà Nguyễn Thị V phải trả cho Bà Đỗ Thị H đối với số tiền 6.800.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 114.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 29.272.500đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/0001807 ngày 09/5/2019 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0000500 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Bà Nguyễn Thị V phải chịu 56.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0000497 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.



**3.** Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, TỈNH BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TỈNH BN;
- TAND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Bình**